

BÀI 83

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng và bước đầu có khả năng đọc hiểu một văn bản ngắn.
- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 15 chữ).
- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ các loài hoa và loài chim).
- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm của những vần đã học; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ ghi những vần này. Chú ý hiện tượng một vần (cũng như âm) được ghi bằng nhiều con chữ. Bên cạnh đó, GV cần có kiến thức cơ bản về văn học (mối quan hệ giữa nhân vật và hành động của nhân vật trong truyện) để hướng dẫn HS trao đổi và trả lời câu hỏi.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 5

1. Khởi động

- GV cho HS xem một số tranh vẽ hổ, voi, khỉ. Sau đó hỏi HS: *Trong những câu chuyện đã đọc về loài vật, em thấy hổ là con vật thế nào? Voi là con vật thế nào? Khỉ là con vật thế nào?*

- GV giới thiệu tranh trong SHS: trong bức tranh này có 3 nhân vật: voi, khi và hổ. Em có thấy có điều gì đặc biệt?

2. Đọc câu chuyện sau

VOI, HỔ VÀ KHI

Thưa hổ trong một cuộc thi tài, voi phải nộp mạng cho hổ. Khi bày mưu giúp voi. Khi cười voi đi gặp hổ. Đến điểm hẹn, khi quát lớn:

- Hổ ở đâu?

Voi tỏ vẻ lễ phép:

- Thưa ông, hổ sắp tới rồi ạ.

Hổ ngồi trong bụi cây nhìn ra. Thấy voi to lớn mà sợ một con vật nhỏ bé, hổ sợ quá, liền bỏ chạy.

(Phỏng theo Truyện cổ dân gian Khơ-me)

- GV đọc toàn bộ câu chuyện.
- 5 - 6 HS đọc nối tiếp.
- 1 - 2 HS đọc toàn bộ câu chuyện.
- GV nhận xét theo một số tiêu chí: đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, giọng đọc to, rõ ràng, biết ngắt nghỉ sau dấu câu.

3. Trả lời câu hỏi

- Hình thức tổ chức: nhóm đôi.
- GV yêu cầu các nhóm thảo luận về 3 câu hỏi trong SHS. Từng thành viên trong nhóm trình bày quan điểm của mình. Mỗi nhóm có thể tham khảo ý kiến của nhóm khác để bổ sung, điều chỉnh kết quả của nhóm mình.
- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.

TIẾT 6

4. Đọc *Nắng xuân hồng*

- GV đọc thành tiếng một lần bài thơ. HS đọc thầm theo.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ *từng không* (nếu cần): khoảng không gian bao trùm cảnh vật và con người.
- 5 - 6 HS đọc nối tiếp.
- 1 - 2 HS đọc toàn bộ bài thơ.
- Cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc: *Những cảnh vật nào được nói tới trong bài thơ? Tìm từ ngữ miêu tả bầy chim. Từ "lung linh" dùng để miêu tả sự vật gì? Hai*

tiếng trong từ “rộn rã” có điểm gì giống và khác nhau? Hai tiếng trong từ “lung linh” có điểm gì giống và khác nhau (giống: giống nhau về âm - r/ l; khác nhau về vần và dấu thanh).

- GV và HS thống nhất câu trả lời.

5. Viết chính tả

- HS chép đoạn văn vào vở.
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu tiên của đoạn và chữ cái đầu tiên của câu; khoảng cách giữa các chữ, cỡ chữ.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

6. Củng cố

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV nhắc một số từ ngữ xuất hiện trong bài thơ *Nắng xuân hồng* (*lung linh, rộn rã, hôn hờ*), cho HS đặt câu với những từ ngữ đó.
- GV khuyến khích HS kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè chuyện *Voi, hổ và khỉ*.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG